

Bản án số: 121/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thúy Nga và ông Nguyễn Đức Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 223/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh L, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Số 01, đường Lý Tự Trọng, tổ 5, khu phố 4, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 1, thôn 10, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Huỳnh Lê Mỹ D1, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ 10, khu phố 5, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn C, sinh năm 1985 và bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1988;

Cùng nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 5, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vì chỗ quen thân nên vào ngày 04/7/2023, vợ chồng ông L bà T có cho vợ chồng ông C và bà N vay mượn số tiền 240.000.000đồng. Khi vay vợ chồng ông C và bà N có viết giấy mượn tiền và ký xác nhận. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng. Trong giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất và thời hạn vay.

Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông L bà T cần lấy lại số tiền đã cho mượn trên, nhiều lần ông L và bà T đến liên hệ yêu cầu vợ chồng ông C, bà N để yêu cầu trả lại tiền nhưng ông C, bà N đều né tránh, cố tình không trả.

Quá trình khởi kiện, ông L và bà T yêu cầu ông C và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L và bà T số tiền nợ vay gốc là 240.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 04/7/2023 cho đến khi vụ án được xét xử, với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và được ghi nhận trong giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023; tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu như sau: Nguyên đơn yêu cầu bà N và ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 240.000.000đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc 240.000.000đồng tạm tính từ ngày 04/7/2023 đến ngày 30/9/2024, với mức lãi suất 10%/năm và tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả xong tiền nợ vay gốc.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền 240.000.000đồng và tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 5, thị trấn Dt huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. (Theo biên bản xác minh thông tin cư trú của bị đơn tại Công an thị trấn Dt, huyện Đức Linh vào ngày 23/8/2024)

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và được ghi nhận trong giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023) nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có ý kiến thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu liên quan đến việc tính lãi suất; ý kiến thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, nguyên đơn không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội D: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội D vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc của giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023 có chữ ký và chữ viết tên của ông Lê Văn C và bà Trần Thị Mỹ N.

Theo nội D thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, không thỏa thuận thời hạn vay, không thỏa thuận phương thức trả nợ, có thỏa thuận lãi suất vay (thỏa thuận miệng theo lời khai của nguyên đơn) và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái

pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện qua giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận và cam kết cho vợ chồng ông Lê Văn C, bà Trần Thị Mỹ N vay số tiền 240.000.000đồng vào ngày 04/7/2023 và nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Nguyên đơn khẳng định toàn bộ nội D thể hiện trong giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023 là do chính vợ chồng bị đơn viết và ký tên; Nguyên đơn cam đoan về trách nhiệm pháp lý đối với tài liệu có tiêu đề giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023 mà nguyên đơn sử dụng để khởi kiện bị đơn; do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc 240.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định tại các Điều 27, 30, 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sau:

“1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.”

Tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;”

Tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”

[4.4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng; tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi như sau: nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày 04/7/2023 đến ngày 30/9/2024 là 01 năm 02 tháng 25 ngày, với mức lãi suất 10%/năm; nhận thấy, theo nội D của giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2023 thì mặc dù hai bên không ghi nhận nội D về thỏa thuận lãi suất nhưng nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất, với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Do các bên không xác định rõ mức lãi suất, có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức lãi suất 10%/năm đối với từng khoản vay tương ứng với thời gian vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

Từ ngày 04/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 02 tháng 25 ngày x 10%/năm x 240.000.000đồng = 29.643.835đồng (làm tròn số liệu là 29.643.000đồng)

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; **Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thanh L và Trần Thị Thu T.

- Buộc bà Trần Thị Mỹ N và ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh L và bà Trần Thị Thu T tổng số tiền 269.643.000 (bằng chữ: hai trăm

sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn) đồng. Trong đó, số tiền nợ vay gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 29.643.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Mỹ N và ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 13.482.000 đồng (bằng chữ: mười ba triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho bà Trần Thị Thu T số tiền 3.000.000 (bằng chữ: ba triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tiền số: 0004749 ngày 06 tháng 8 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận